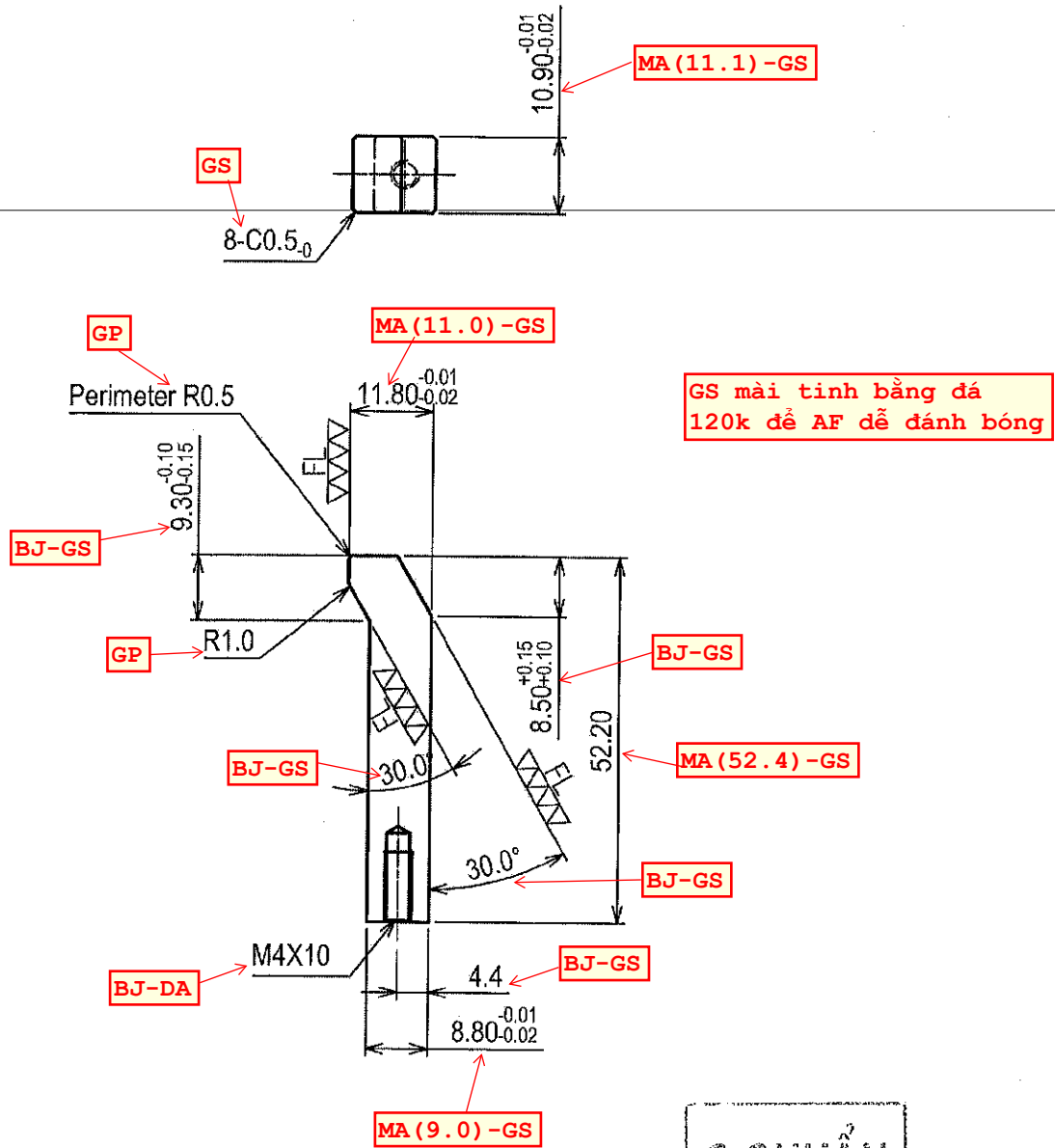


7900 107

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2016/10/12	新规设计		Wang_Gan_Pei	Ye_Chang_Jing	0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰ ₋₀	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 ⁺⁰ ₋₀	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰ ₋₀	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 ⁺⁰ ₋₀	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰ ₋₀	+0 -0.1
								0.0 ⁺⁰ ₋₀	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
<div>FL</div> <div>G</div> <div>(VVVV)</div> <div>VVVV</div>									



S CHUẨN *

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wang_Gan_Pei	Ye_Chang_Jing	部品図		リターンピン
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		RETURN PIN
HRC 60° ~ 62°		部品図		回復銷
MATERIAL	DATE	SCALE		返回銷
SKD11	2016/10/12	1:1		DWG.No.
				R058351

SNO: **R058351**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T13*17*58	AA:20 MA:30 BJ:40 DA:10 HT:40 GS:120 GP:30 AF:20 KT